

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ VẬN DỤNG VÀO XÂY DỰNG, HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TƯỜNG DUY KIÊN* -
LÊ XUÂN HUY**

Kế thừa truyền thống dân tộc và các giá trị lớn của nhân loại, đặc biệt là Học thuyết Mác-xít, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại một di sản đồ sộ, to lớn, trong đó có tư tưởng về quyền con người. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người có phạm vi rộng, bao quát trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bài viết đi sâu phân tích một số nội dung cơ bản về quyền con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh và việc vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh; quyền con người; xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

President Ho Chi Minh left a huge legacy, including the thoughts on human rights which inherited the national tradition and great values of humanity, especially the Marxist doctrine. Ho Chi Minh's thoughts on human rights had a wide scope, covering all areas of social life. The paper analyzed some key issues of of human rights in Ho Chi Minh's thoughts and the creative application of Ho Chi Minh's thoughts in the building and completion of the legislation on human rights in Viet Nam at present.

Keywords: Ho Chi Minh's thoughts; human rights; building and completion of the legislation.

NGÀY NHẬN: 28/7/2022

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 15/8/2022

NGÀY DUYỆT: 16/9/2022

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người

a. Về quyền con người

Quyền con người (QCN) là quyền tự nhiên của mỗi cá nhân gắn kết chặt chẽ với quyền dân tộc tự quyết, quyền của quốc gia, dân tộc. Kế thừa và phát triển Học thuyết Mác - Lênin và xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, QCN là quyền tự nhiên của mỗi cá nhân, không tách

rời với quyền tự quyết của quốc gia, dân tộc. Quyền dân tộc tự quyết (QDTTQ) hiện nay là nội dung cơ bản của luật pháp quốc tế về QCN, theo đó, các dân tộc đều có quyền bình đẳng trong việc quyết định thể chế chính trị,

* PGS.TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** ThS, Cục Công tác đảng và công tác chính trị - Bộ công an

phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, mà không có bất kỳ sự can thiệp nào từ bên ngoài. Xét về mặt lịch sử, nguyên tắc QDTTQ, lần đầu tiên được Tổng thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson (1856 - 1924) và V.I. Lênin (1870 - 1924) nêu vào năm 1918 và năm 1920. Đến năm 1945, trong Hiến chương Liên hiệp quốc (LHQ), Điều 55 khẳng định: “Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc”. Quan hệ giữa các dân tộc được xác định trong Hiến chương LHQ chính là quan hệ giữa các quốc gia độc lập, có chủ quyền, trong đó các dân tộc đa số và thiểu số đều bình đẳng để cùng hợp thành một dân tộc - quốc gia và mang tên gọi của đất nước mình. Như vậy, chỉ những dân tộc - quốc gia mới có quyền tự quyết định vận mệnh của mình. QDTTQ chỉ thuộc về Nhân dân; tức là tất cả dân cư thường xuyên sinh sống trên lãnh thổ của dân tộc - quốc gia mới là chủ thể của pháp luật quốc tế. Đây là quan điểm phù hợp với Hiến chương, các văn kiện của LHQ và thực tiễn tại các quốc gia trên thế giới hiện nay¹.

Do QDTTQ của dân tộc - quốc gia chỉ thuộc về nhân dân nên quyền này có mối quan hệ mật thiết với chủ quyền nhân dân. Chính vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lần đầu tiên trong lịch sử, thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 02/9/1945, đã kế thừa, phát triển tư tưởng của Lênin về QDTTQ và tư tưởng quyền “tự nhiên” của mỗi cá nhân trong bản Tuyên ngôn độc lập của Mỹ (năm 1776), Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp (năm 1789) thành quyền “độc lập - tự do” của mọi dân tộc; từ đó, Hồ Chí Minh đã mở rộng QCN gồm cả QDTTQ. Một điểm cần nhấn mạnh là trong pháp luật quốc tế, phải đến năm 1966, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) mới gắn QDTTQ với QCN. Đó là: “Mọi dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể

chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa”².

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, không chỉ gắn kết QCN với QDTTQ của quốc gia, dân tộc mà còn gắn với quyền bình đẳng giữa các dân tộc cùng sinh sống trong phạm vi lãnh thổ. Việt Nam là một quốc gia gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn vận dụng sáng tạo những chỉ dẫn của Lênin về vấn đề dân tộc phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đảng, Nhà nước Việt Nam kiên trì thực hiện việc gắn kết QCN với quyền của các nhóm dân tộc nói chung, trên cơ sở: (1) Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước luôn xuất phát từ nhu cầu hướng đến đời sống tốt đẹp của những người lao động tại tất cả các dân tộc - tộc người đại đoàn kết và thống nhất trong một dân tộc - quốc gia Việt Nam; (2) Quyền dân tộc - tộc người nói riêng và dân tộc - quốc gia Việt Nam nói chung đều gắn kết và dựa trên QCN gồm cả quyền cá nhân và quyền tập thể; (3) Xây dựng Nhà nước theo nguyên tắc “trăm điều phải có thần linh pháp quyền” và “sửa sang thế đạo kinh dinh nhân quyền”³ theo tư tưởng Hồ Chí Minh; (4) Không quên, không bỏ lại ai ở phía sau, mà bảo đảm quyền của mọi chủ thể quyền (nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, phụ nữ, các bậc phụ lão, công nhân, nông dân, bộ đội, trí thức, doanh nhân, phạm nhân, ...), đặc biệt trong điều kiện phân hóa giàu nghèo, phân hóa xã hội theo cơ chế thị trường hiện nay, càng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

b. Quyền dân chủ và quyền con người thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa quyền công dân và quyền con người

Vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của Lênin về quyền dân chủ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN), Hồ Chí Minh sử dụng cả hai thuật ngữ nhân quyền và dân quyền, quyền công dân (QCD), ví dụ trong khi dịch Quốc tế ca (năm 1925) và trong Nghị quyết của Quốc dân Đại hội Tân Trào (ngày 13/8/1945). Hồ Chí Minh luôn coi trọng mối

quan hệ thống nhất giữa QCN và QCD, nhằm thực hiện quyền độc lập, tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi người dân Việt Nam trên cơ sở bảo đảm quyền dân tộc - quốc gia Việt Nam. Mặc dù, tính thống nhất của các QCN và QCD đều ghi nhận các quyền cá nhân của con người, song, Hồ Chí Minh không đồng nhất hai khái niệm đó trên cả hai phương diện: chủ thể của quyền và nội dung của quyền.

Một là, về chủ thể của quyền: ngoài công dân Việt Nam, Hồ Chí Minh rất chú ý đến những người không phải là công dân hoặc bị hạn chế quyền công dân như: tù binh, hàng binh nước ngoài, người nước ngoài (Pháp kiều, Hoa kiều), Việt kiều, và phạm nhân - những người bị pháp luật hạn chế ít nhất một phần QCD. Chẳng hạn, Người tặng áo cho hàng binh bị rét trong chiến dịch biên giới (năm 1950); hay đặt niềm tin về tính thiện trong tiềm thức sâu sa của những tù nhân thường phạm. Đặc biệt, Hồ Chí Minh yêu quý và đặt niềm tin vào các cháu nhi đồng, thiếu niên - những người chưa đủ tuổi được thụ hưởng và thực hiện QCD, quyền chính trị như bầu cử, ứng cử...

Hai là, về nội dung của quyền: trong Nghị quyết của Quốc dân Đại hội Tân Trào (13/8/1945) do Hồ Chí Minh chủ trì biên soạn có phân biệt nội dung dân quyền gồm: quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền⁴. Điều này thể hiện khá rõ trong bản *Hiến pháp* năm 1946 và sau này là *Hiến pháp* năm 2013. Đó là các nội dung về QCN gồm: các quyền tự do dân chủ về chính trị; các quyền dân sự hay các quyền tự do cá nhân; các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa.

Đối với Hồ Chí Minh, QCN và QCD chủ yếu phải gắn với Hiến pháp, pháp luật. Và đối với Người, chỉ như thế vẫn là chưa đủ. Bởi vì, QCN nói chung, trong đó có QCD là một thể thống nhất như chính bản thân con người với

tư cách là một chủ thể "tổng hòa các quan hệ xã hội", vừa cụ thể với những nội dung hiện thực theo yêu cầu của cuộc sống thực tế, vừa là xu hướng với những khát vọng, hoài bão, lý tưởng độc lập, tự do, hạnh phúc của con người. Cho nên, Hồ Chí Minh cũng coi trọng việc kế thừa, phát huy vai trò điều chỉnh của dân chủ, đạo đức, truyền thống văn hóa, nhất là hương ước, luật tục có tính tự quản của làng, bản, buôn, ấp. Hiện nay, thực hành tư tưởng Hồ Chí Minh về QCN, đã và sẽ là nền tảng và kim chỉ nam trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân, vì dân.

c. Tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến nghĩa vụ, trách nhiệm của Chính phủ trong quan hệ đối với người dân: "Chính phủ ta đã hứa với dân, sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc... Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của nhân dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật"⁵; "Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân phải tránh"⁶; "Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ"⁷; "Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ"⁸. Từ Chủ tịch nước đến giao thông viên cũng vậy, nếu không làm được việc cho dân, thì dân không cần đến nữa"⁹. Trong nhiều tác phẩm, Người đều xác định: dân là "(ông) chủ", còn (người đại diện) Chính phủ là "đầy tớ"/ công bộc của dân.

2. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền con người trên cơ sở vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người ở Việt Nam

Việc quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về QCN phải tuân theo nguyên tắc: giải phóng con người -

gắn với (hay trên cơ sở) bảo đảm QCN, nhằm phát triển con người toàn diện. Do đó, cần xác định rõ:

Thứ nhất, ở Việt Nam hiện nay đang có những thời cơ và thách thức cơ bản, đó là việc thể chế hóa QCN bằng quy định pháp luật là dấu hiệu đặc trưng về các điều kiện để bảo đảm QCN so với các khái niệm khác liên quan đến đời sống xã hội của con người, như nhu cầu, lợi ích hay đạo đức,... QCN và QCD, cơ bản và chủ yếu phải được ghi nhận trong các văn bản pháp lý, trước hết là *Hiến pháp* với phương châm “Bày xin *Hiến Pháp* ban hành. Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” (Việt Nam yêu cầu ca, năm 1922)¹⁰. Bởi lẽ thông qua đó, các giá trị của con người mới trở thành quyền năng, trách nhiệm được xác định và được bảo đảm về pháp lý trong thể chế chính trị - xã hội, để có thể hiện thực hóa trong xã hội. Nhân dân được tham gia vào các công việc Nhà nước (tức là QCN, QCD được thực thi bằng phương thức dân chủ), như: cơ chế bầu cử, ứng cử, bãi miễn, kiểm tra, giám sát bộ máy nhà nước và phân công, giám sát bộ máy nhà nước...

Hiện nay, việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật về QCN trên cơ sở vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh đang có thời cơ, nhiều điều kiện thuận lợi và cũng vấp phải không ít khó khăn, thách thức.

- *Về thời cơ*: qua việc đánh giá sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới ở nước ta đã khái quát: “... lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới... Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế như ngày nay”¹¹.

Quá trình toàn cầu hóa (TCH), hội nhập quốc tế (HNQT) ở Việt Nam đã góp phần nâng cao nhận thức về QCN; thúc đẩy quá trình hoàn thiện pháp luật về QCN; hoàn

thiện cơ chế bảo đảm QCN; tạo ra nguồn lực bảo đảm tốt hơn các QCN trong thực tế; đẩy mạnh hợp tác, đối thoại và đấu tranh trên lĩnh vực QCN nhằm thực hiện chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹².

- *Về thách thức*: bảo đảm QCN trước bối cảnh TCH và HNQT, trong đó nhiệm vụ thúc đẩy QCN gắn với việc bảo đảm độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia; QCN ngày càng được mở rộng về chủ thể, nội dung với các yêu cầu, tiêu chuẩn quốc tế đòi hỏi ngày càng cao, trong khi năng lực bảo đảm QCN còn hạn chế; bảo đảm QCN của các nhóm dễ bị tổn thương; áp lực của TCH và HNQT với điều kiện thực tiễn, tính đặc thù của đất nước (về lịch sử, văn-hóa, phong tục, tập quán...); ngăn chặn nguy cơ chính trị hóa các QCN, như: (1) Sự thao túng của một số nước thông qua các tổ chức quốc tế trong việc xây dựng các văn kiện QCN và xây dựng các cơ chế giám sát thực thi QCN; đồng thời tác động vào việc xây dựng cơ chế nhân quyền khu vực để qua đó kiểm chế các quốc gia thường bị quy kết vi phạm nhân quyền; (2) Tác động vào quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật, thể chế thúc đẩy phát triển xã hội dân sự nhằm tạo đối trọng với Đảng, Nhà nước; (3) Sử dụng các “tiêu chuẩn kép” về QCN, thúc ép các quốc gia khác cải thiện vấn đề QCN theo quan điểm của họ nhằm đạt được các mục tiêu về kinh tế, chính trị.

Vì thế, phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về QCN nhằm góp phần thúc đẩy tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp tục chủ động đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế trên lĩnh vực QCN; tôn trọng và thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế về QCN.

Thứ hai, tiếp tục thể chế hóa toàn diện, đồng bộ nội dung QCN, QCD trong *Hiến pháp* năm 2013, cần phải chú trọng xây dựng, hoàn thiện pháp luật, trên cơ sở tiếp tục thể

chế hóa toàn diện, đồng bộ nội dung QCN, QCD trong *Hiến pháp* năm 2013, phù hợp với các điều ước quốc tế về QCN mà Việt Nam là thành viên. *Hiến pháp* năm 2013, có nhiều điểm mới tiến bộ nhằm phát huy nhân tố con người và thể hiện sâu sắc trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm QCN, QCD.

Để bảo đảm nguyên tắc pháp quyền và tính tối thượng của *Hiến pháp* năm 2013, và các QCN, QCD không còn là “quyền treo” trong *Hiến pháp*, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 64/2013/QH13 ngày 28/11/2013 quy định một số điểm thi hành *Hiến pháp*; Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thi hành *Hiến pháp*, trong đó xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là rà soát lại toàn bộ các luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác được ban hành trước ngày *Hiến pháp* có hiệu lực để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nhằm bảo đảm phù hợp với *Hiến pháp*, nội dung nào không phù hợp phải bị tuyên bố hủy bỏ; ưu tiên sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về QCN, QCD.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả công tác truyền truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về QCN, QCD. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cả trong nước và quốc tế về thành tựu trong bảo vệ, bảo đảm QCN ở Việt Nam; tăng cường giáo dục và đào tạo về QCN trong các cấp học, bậc học và toàn xã hội để mọi người hiểu rõ quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về QCN; đồng thời, phát huy vai trò chủ động phòng ngừa và đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm, xuyên tạc trên lĩnh vực QCN.

Thứ tư, vận dụng cách tiếp cận dựa trên QCN trong xây dựng, hoạch định chính sách, pháp luật, nhất là các chương trình, chiến lược, kế hoạch quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội. Một trong những điểm mới của Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ

trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”¹³. Lấy Nhân dân là trung tâm và là chủ thể của chiến lược phát triển đất nước, Đảng đã phát triển thêm một bước tiếp cận mới không chỉ về lý luận mà dựa trên tổng kết từ thực tiễn của 35 năm đổi mới. Từ cách tiếp cận này, Đại hội XIII của Đảng đã đặt ra yêu cầu: “Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của Nhân dân”¹⁴ □

Chú thích:

1. Đào Minh Hồng - Lê Hồng Hiệp (chủ biên). *Sổ tay thuật ngữ quan hệ quốc tế*. Khoa Quan hệ quốc tế - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP. Hồ Chí Minh, 2013.
2. Viện Nghiên cứu quyền con người. *Một số văn kiện của Liên hợp quốc về quyền con người trong quản lý tư pháp*. H. NXB Công an nhân dân, 2009, tr. 22.
3. Hồ Chí Minh. *Toàn tập. Tập 2*. H. NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr. 491.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập. Tập VII*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 560.
- 5, 6. Hồ Chí Minh. *Toàn tập. Tập 4*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 64 - 65, 21.
7. Hồ Chí Minh. *Toàn tập. Tập 9*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 90.
8. Hồ Chí Minh. *Toàn tập. Tập 5*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 75.
9. Hồ Chí Minh. *Toàn tập. Tập 7*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 269.
10. Hồ Chí Minh. *Toàn tập. Tập 1*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 472.
- 11, 13, 14. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tr. 25, 28, 173.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2016, tr. 153.